

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1022/2021/DS-ST

Ngày: 27/4/2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Thiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Quý;
2. Bà Nguyễn Thị Lượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Giang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 379/2020/TLST-DS ngày 13/10/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 473/2021/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 1167/2021/QĐST-DS ngày 30/3/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty A

Trụ sở: 185-187 đường A, phường T, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm: 1996;
Địa chỉ: 42/1/4 đường V, phường B, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

(là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền không số, ngày 26/9/2020 của Công ty A).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: 58/28 Đường F, khu phố H, phường B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

(1) Nội dung nguyên đơn khởi kiện: Ngày 28 tháng 7 năm 2017, Chi nhánh Bình Triệu- Công ty A (gọi tắt là Công ty) và bà Nguyễn Thị H có ký hợp đồng cầm đồ số HĐCD/2017/11-750 với nội dung: Bà Nguyễn Thị H cầm cố chiếc xe mô tô (Biển kiểm soát: 59XB- 004.06, nhãn hiệu Honda, loại xe: không màu xanh, theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, số khung: C50-9264675, số máy: C50E-9264542) cho chi nhánh Bình Triệu- Công ty A để vay số tiền 15.000.000 đồng, thời hạn vay là 40 tháng, kể từ ngày 28 tháng 7 năm 2017 đến ngày 02 tháng 12 năm 2020, lãi suất vay: 1,125%/tháng, trả nợ gốc và lãi thành 40 đợt, mỗi đợt 01 tháng. Từ ngày 01/9/2017 đến ngày 06/11/2017 bà Nguyễn Thị H đã thanh toán cho Công ty số tiền 981.250 đồng (gồm 475.000 đồng tiền gốc và 506.250 đồng tiền lãi). Đến ngày 31/01/2018, bà Nguyễn Thị H có liên hệ với Công ty đề nghị hỗ trợ bỏ lãi và chỉ trả tiền gốc, vì hoàn cảnh gia đình của bà Huệ khó khăn nên đã đồng ý cho bà Huệ trả số tiền 15.000.000 đồng bằng với số tiền nợ gốc ban đầu mà bà Huệ đã vay, mỗi tháng trả góp 500.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền 15.000.000 đồng. Thực hiện thỏa thuận mới, từ ngày 31/01/2018 đến ngày 30/7/2018 bà Huệ đã thanh toán cho Công ty được 06 lần với số tiền đã thanh toán là 3.000.000 đồng. Sau đó bà Huệ ngừng trả nợ cho đến nay, hiện tại bà Huệ còn nợ lại số tiền là 12.000.000 đồng. Công ty A đã nhiều lần liên hệ nhưng bà Huệ cố tình trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Hiện nay, Công ty A chỉ giữ giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô nói trên. Bà Nguyễn Thị H đang trực tiếp quản lý và sử dụng tài sản cầm cố là chiếc xe mô tô biển kiểm soát 59XB-004.06 như đã nêu trên. Do bà Nguyễn Thị H vi phạm nghĩa vụ của bên vay, Công ty A khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị H trả lại số tiền nợ gốc là 12.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi và trả lãi do vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tài sản cầm cố là chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát số 59XB-004.06.

(2) Bị đơn bà Nguyễn Thị H vắng mặt không có lý do khi được Tòa án triệu tập lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất.

(3) Tại phiên tòa sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị H tiếp tục vắng mặt mà không có lý do. Đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên.

(4) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn bà Nguyễn Thị H đã vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc sự kiện khách quan, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn. Đối với người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt đề nghị Tòa án chấp nhận. Về nội

dụng vụ án: yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Giữa Công ty A với bà Nguyễn Thị H phát sinh quan hệ tranh chấp từ hợp đồng vay tài sản thuộc trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ kiện, bị đơn bà Nguyễn Thị H có đăng ký thường trú và thực tế đang cư trú tại căn nhà 58/28 Đường số 5, khu phố 2, phường Linh Trung, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị H tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Xét thấy, hợp đồng cầm cố số HĐCD/2017/11-750 giao kết ngày 28/7/2017 giữa bà Nguyễn Thị H với Công ty A là hoàn toàn tự nguyện, được lập bằng văn bản có chữ ký của các bên, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại các điều 346, 347, 385 và điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên đã phát sinh quyền và nghĩa vụ pháp lý ràng buộc trách nhiệm buộc các bên phải thực hiện.

[3.2] Căn cứ vào nội dung các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cầm đồ số HĐCD/2017/11-750 giao kết ngày 28/7/2017, sự thừa nhận và không phản đối của các bên đương sự, căn cứ theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử, có cơ sở xác định bà Nguyễn Thị H có vay của Công ty A số tiền 15.000.000 đồng, lãi suất vay: 1,125%/tháng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân, thời hạn vay là 40 tháng, trả góp hàng tháng, sau đó vào ngày 31/01/2018 hai bên có thỏa thuận lại, cụ thể bà Huệ phải có trách nhiệm trả cho Công ty số tiền 15.000.000 đồng, trả góp liên tục mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ, không trả tiền lãi và tính lãi theo hợp đồng đã ký. Nhận thấy, thỏa thuận này của các bên là phù hợp với những quy định được nêu tại chế định hợp đồng vay tài sản của Bộ luật dân sự năm 2015. Thế nhưng, từ ngày 31/01/2018 đến ngày 30/7/2018 bà Huệ chỉ thanh toán cho Công ty được 06 lần với số tiền đã thanh toán là 3.000.000 đồng, sau đó ngừng trả nợ là vi phạm nghĩa vụ của bên vay tiền. Xét thấy, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ bên vay nên nguyên đơn thông

báo chấm dứt hợp đồng vay và yêu cầu trả lại số tiền vay là phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Đối với tài sản cầm giữ đã nêu tại điều 1 của Hợp đồng cầm đồ số: HĐCD/2017/11-750 ngày 28/7/2017, là chiếc xe mô tô biển kiểm soát 59XB-004.06, nhãn hiệu Honda, theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, số khung: C50-9264675, số máy: C50E-9264542), nguyên đơn tự xác định không cầm giữ mà do bà Nguyễn Thị H đang trực tiếp chiếm giữ, quản lý sử dụng, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ theo quy định tại Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 233, Điều 235, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 40, 277, 346, 347, 385, 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho Công ty A số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng).

Kể từ ngày Công ty A có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Nguyễn Thị H không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán, thì hàng tháng bà Huệ còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm 1.811.918 đồng (một triệu tám trăm mười một nghìn chín trăm mười tám đồng), buộc bà Nguyễn Thị H phải nộp theo quy định.

Trả lại cho Công ty A số tiền tạm ứng án phí 905.959 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0057952 ngày 13/10/2020 của Chi cục thi

hành án dân sự quận Thủ Đức (nay là Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Văn Thiên